

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/12/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+BK14	7:25	19+2	0+0		18+4	0+0	
2		BK9+GTG1+CTK3	7:25	9+0+13	0+0+0		7+0+12	0+0+0	chuyen 1 gfc1- ctk3
3		BK10+P9+CTK3	7:25	1+2+19	0+0+0		0+1+16	0+0+0	
4		TD1+P5+TD2	9:25	7+6+7	0+0+0		7+6+9	0+0+0	
5		CTK3+TD3+TD5	9:25	16+3+2	0+0+0		3+1+0	0+0+0	
6		RC4+RC6+RP1	11:25	5+1+14	0+0+0		0+0+18	0+0+0	
7		BK9+BK14+BK16	11:25	0+17+4	0+0+0		1+14+5	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày BK9-1ng, Bk14-1ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: CLO - BK14 - PPD	CREW: VTHẮNG - N.ANH - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4885	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VÕ HỒNG DŨNG	CLO	59	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
2	HUYNH XUÂN SĨ	CLO	50	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN QUANG HIẾN	CLO	64	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU HOANG ANH	CLO	57-58	2	11	2	20	114	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM CÔNG DUY	CLO	55	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ TRUNG KIẾN*	CLO	62-63	2	13			77	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG ĐÌNH QUANG	CLO	65	1	11			81	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BA THUẬN	CLO	68	1	14			76	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN PHU	CLO	67	1	12			68	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU HO	CLO	69-70	2	12			65	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ HOANG VŨ	CLO	56	1	11			68	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TRĂNG	CLO	71	1	12			63	CODIEN	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC BÌNH	CLO	72-74	3	19			60	CODIEN	Vietnamese
14	TRẦN QUANG HUY	CLO	51-52	2	18			90	DVL	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐỨC THƯƠNG*	CLO	66	1	17			86	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TIỆP	CLO	60-61	2	20			78	DVL	Vietnamese
17	VŨ ANH TRỌNG	CLO	53-54	2	18			67	DVL	Vietnamese
18	BUI HUY BĂNG	CLO	47-48	2	16			68	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN HUY HIỆU	CLO	49	1	12			51	DVL	Vietnamese
20	BUI KIẾN ĐỨC	BK14	11-13	3	12			86	SGC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN KHANG	BK14	72	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	19	1.395	28	237	2	20	18		
2	BK14	2	164	4	20	0	0	3		
3	PPD	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	1.559	32	257	2	20	22		
WEIGHT KG			1.559		257		20			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK9 - GTC1 - CTK3	CREW: HUNG - N.CUONG - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4889	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LE VAN ĐỨC *	BK9	61-63	3	12			64	SGC	Vietnamese
2	CAO VAN KHA KHA	BK9	66	1	3			84	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN LAM	BK9	67-68	2	13			72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN NGOC HIỆP *	BK9	70	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN HUU TRUNG	BK9	60	1	16			82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TUAN	BK9	71-72	2	8			72	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI HONG SANG	BK9	64	1	19	1	8	94	XAYLAP	Vietnamese
8	VU TUAN ANH *	BK9	59	1	9	1	13	74	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN TIEN CUONG	BK9	69	1	5			57	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN THI NGAN ANH	CTK3	13	1	5			50	KH-THAC	Vietnamese
11	LE TUAN VU	CTK3	06	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
12	KPAPIVKA V.C	CTK3	01	1	4			96	KH-THAC	Russian
13	DOAN VAN TRANG	CTK3	11	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
14	DOAN QUANG CHUNG	CTK3	08	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI KHAC PHONG	CTK3	02	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
16	HA MINH GIANG	CTK3	07	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG HAI	CTK3	09	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TUAN DAT	CTK3	12	1	5			86	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN DAN	CTK3	14	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRAN ĐỨC MINH	CTK3	03-04	2	18			68	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN ĐỨC HANH	CTK3	05	1	2			80	KH-THAC	Vietnamese
22	TATARINOV	CTK3	10	1	7			85	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	9	669	13	91	2	21	7		
2	GTC1	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 1 PAX GTC1-CTK3	
3	CTK3	13	974	14	85	0	0	12		
TOTAL		22	1.643	27	176	2	21	19		
WEIGHT KG			1.643		176		21			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

LÊ QUÝ HUNG

PHAN NHƯ CUONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: BK10 - P9 - CTK3	CREW: LHAÍ - VANH - DSON - TDUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4892	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI THỊ PHƯƠNG THẢO	BK10	94	1	10	2	24	76	NIPI	Vietnamese
2	HỒ ĐỨC KHAI	P9	60	1	5			69	THIEN NAM	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	59	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3	93-94	2	9			80	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	86	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VĂN BÁC	CTK3	91	1	3			52	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	88	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HỒNG SƠN (22126)	CTK3	89	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUYẾT THĂNG	CTK3	90	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH QUANG	CTK3	92	1	2			76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY HOANG	CTK3						88	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOANG LÂM	CTK3	98-99	2	13			68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	95	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	87	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	CTK3						87	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ANH TUẤN	CTK3	384	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	387	1	10			82	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGHĨA TÍN	CTK3	385	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	CTK3	286	1	17			86	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TUẤN ANH	CTK3	96-97	2	20			77	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN CƯỜNG	CTK3	288-289	2	20			63	KH-THAC	Vietnamese
22	LUYỆN VĂN THIỆU	CTK3	383	1	7			87	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK10	1	76	1	10	2	24	0		
2	P9	2	134	2	10	0	0	1		
3	CTK3	19	1.441	21	154	0	0	16		
TOTAL		22	1.651	24	174	2	24	17		
WEIGHT KG			1.651		174		24			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

LƯU THANH HẢI
TRẦN VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: TD1 - P5 - TD2	CREW: VTHANG - N.ANH - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4886	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN TỊNH*	TD1	85	1	10			80	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU TRUNG*	TD1	38	1	14			70	KHOAN	Vietnamese
3	LE HAI NGẠN	TD1	86	1	11			60	KHOAN	Vietnamese
4	BUI THAI QUI	TD1	39	1	11			79	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VIỆT LINH	TD1	43	1	6			112	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN KHẮC MINH	TD1	41-42	2	9			90	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN BACH TUNG	TD1	40	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG*	P5						104	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN LÊ*	P5	04	1	10			64	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	P5	05	1	14			78	KH-THAC	Vietnamese
11	LY NHẬT TRƯỜNG*	P5	01	1	11	1	6	75	DVL	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN HÙNG	P5	03	1	13			70	DVL	Vietnamese
13	VŨ DUY CƯỜNG*	P5	02	1	14			88	DVL	Vietnamese
14	ĐINH CHÍ CÔNG	TD2	84	1	14			65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD2	91	1	5			84	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG MINH TUẤN*	TD2	92	1	14			87	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	TD2	85	1	6			60	QUYẾT TH	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN MINH EM	TD2	89-90	2	16			65	QUYẾT TH	Vietnamese
19	VŨ VĂN KIẾN	TD2	87-88	2	5			62	QUYẾT TH	Vietnamese
20	ĐINH MẠNH SƠN	TD2	83	1	8			60	QUYẾT TH	Vietnamese
21	TELESHENKO IVAN	TD2	86	1	17			97	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	7	567	8	67	0	0	7		
2	P5	6	479	5	62	1	6	6		
3	TD2	8	580	10	85	0	0	9		
TOTAL		21	1.626	23	214	1	6	22		
WEIGHT KG			1.626		214		6			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO:CTK3 - TD3 - TD5	CREW: HUNG - N.CUONG - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4890	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN ĐAN QUẾ	CTK3	29	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN NGUYỄN MẠNH TUÔNG	CTK3	31	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM QUANG THAI	CTK3	30	1	6			87	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRỌNG NHÂN	CTK3	15-16	2	16	1	6	63	XAYLAP	Vietnamese
5	VÕ TIỀN PHÁT	CTK3	27	1	10	1	15	75	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NAM	CTK3	20-21	2	20	1	8	67	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ BA QUYÊN*	CTK3	36-37	2	20	1	12	55	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HỤ	CTK3	22-23	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN PHƯƠNG	CTK3	38-39	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ VĂN LỢI	CTK3	34-35	2	14			59	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG VĂN LAM	CTK3	32-33	2	15			74	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐÌNH VĂN HÙNG	CTK3	18-19	2	15			66	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ VIỆT HOANG*	CTK3	25	1	10	1	13	60	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM HOANG LONG	CTK3	40-41	2	11			80	NIPI	Vietnamese
15	VŨ BAO THANH	CTK3	42	1	9			86	NIPI	Vietnamese
16	CŨ XUAN HUY*	CTK3	24	1	8			62	HVJOC	Vietnamese
17	DUONG HOANG LONG	TD3	61-62	2	11			69	KHOAN	Vietnamese
18	NGO PHAM THANH HUY	TD3	52-53	2	17			83	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG ANH TUAN	TD3	49	1	7			64	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC ĐẠI*	TD3	50-51	2	13			77	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI VĂN QUYẾT	TD5	45	1	12			87	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	16	1.105	25	209	5	54	3		
2	TD3	4	293	7	48	0	0	1		
3	TD5	1	87	1	12	1	20	1		
TOTAL		21	1.485	33	269	6	74	5		
WEIGHT KG			1.485		269		74			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: TRNG-3	TO: RC4 - RC6 - RP1	CREW: VTHẮNG - NPHÚ - DTÙNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/4887	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LƯU VĂN HUNG	RC4	05	1	6	2	30	64	BA SON	Vietnamese
2	ĐOÀN QUANG KHÁNH	RC4	02	1	4	2	22	57	BA SON	Vietnamese
3	BUI THỌ BAN	RC4	96	1	11			72	BA SON	Vietnamese
4	PHAN HUY THẮNG	RC4	03-04	2	19			69	BA SON	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC PHONG	RC4	97	1	13			53	BA SON	Vietnamese
6	ĐÌNH QUANG SƠN	RC6	37-38	2	20	2	39	57	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY PHU	RP1	64	1	15	2	18	79	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI ĐÌNH THU	RP1	75	1	14			69	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN SỸ MỸ	RP1	62	1	16			64	XAYLAP	Vietnamese
10	LE TRỌNG TUẤN	RP1	67	1	15			68	XAYLAP	Vietnamese
11	TRINH HỮU CHUNG	RP1	77-78	2	20			86	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	RP1	70-71	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM BA HOÀNG	RP1	68-69	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN PHÚC HIẾN	RP1	65-66	2	20			87	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN HỮU MINH	RP1	72-73	2	14			76	XAYLAP	Vietnamese
16	LƯƠNG TRỌNG DƯƠNG	RP1	76	1	8			54	PSV	Vietnamese
17	ĐÌNH QUỐC TRƯỞNG	RP1	63	1	5			81	PSV	Vietnamese
18	LÊ MINH HUY	RP1	48	1	5			73	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	74	1	7			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC4	5	315	6	53	4	52	0		
2	RC6	1	57	2	20	2	39	0		
3	RP1	13	931	18	178	2	18	18		
TOTAL		19	1.303	26	251	8	109	18		
WEIGHT KG			1.303		251		109			

GRAND TOAL: 1.663 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: VANG-3	TO: BK9 - BK14 - BK16	CREW: HUNG - SON - HUY	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 7	VNHS FLIGHT: TM25/4891		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAM THANH TAI	BK14	11	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN NGUYEN GIA KINH	BK14	16	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC TUONG	BK14	15	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LAM	BK14	18	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
5	VU DINH HUY	BK14	20	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VAN BINH	BK14	09	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN LE TUNG	BK14	07-08	2	13			61	KH-THAC	Vietnamese
8	VU TRONG NGHIA	BK14	03	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG DINH SAM	BK14	17	1	13			84	KH-THAC	Vietnamese
10	CHAU HUNG HUY	BK14	19	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN SY DIEP	BK14	12-13	2	13			72	KH-THAC	Vietnamese
12	LE NGUYEN HUY HOAN *	BK14	04	1	11	1	13	70	XAYLAP	Vietnamese
13	HA DUC HUNG	BK14	05	1	7			60	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN VIET PHUONG	BK14	02	1	5			69	YTE	Vietnamese
15	PHAM NGOC NINH	BK14	10	1	7			78	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN MAI SY TAM	BK14	06	1	7			83	PSV	Vietnamese
17	TRAN VAN HUU	BK14	14	1	6	3	45	66	PSV	Vietnamese
18	LAI ANH TUAN	BK16	77	1	15	2	17	105	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM TRUNG HIEU	BK16	73-74	2	19			72	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN DUY KHANH	BK16	75	1	9	1	16	78	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN QUOC HUNG	BK16	72	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	0	0	0	0	2	27	1		
2	BK14	17	1.211	19	133	4	58	15		
3	BK16	4	324	5	54	3	33	5		
TOTAL		21	1.535	24	187	9	118	21		
WEIGHT KG			1.535		187		118			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

HOANG THI THUY

CREW

LE QUY HUNG
PHAM THAI SON